

**HIỆP ĐỊNH**  
**VN-TRUNG HOA VỀ TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ NGĂN NGỪA**  
**VIỆC TRỐN LẬU THUẾ ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP**  
**Ngày 18 tháng 10 năm 1996**

Với mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, Hai bên đã thỏa thuận dưới đây:

**ĐIỀU 1**

Phạm vi áp dụng

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

**ĐIỀU 2**

Các loại thuế bao gồm trong Hiệp định

1/ Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2/ Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm cả các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản cũng như các loại thuế đánh trên phần trị giá tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3/ Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. Tại Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam:

- i. thuế thu nhập cá nhân;
- ii. thuế lợi tức;
- iii. thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(dưới đây được gọi là "thuế Việt Nam");

b. Tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa:

- i. thuế thu nhập cá nhân;
- ii. thuế thu nhập đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các xí nghiệp nước ngoài;
- iii. thuế thu nhập địa phương;

(dưới đây được gọi là "thuế Trung Quốc").

4/ Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi quan trọng trong luật thuế của từng Nước.

**ĐIỀU 3**

Các định nghĩa chung

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a. Từ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ này có nghĩa là toàn bộ lãnh thổ của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, kể cả lãnh hải Việt Nam mà ở đó các luật của Việt Nam liên quan đến thuế được áp dụng, và mọi vùng ở ngoài lãnh hải Việt Nam mà tại đó Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên phù hợp với luật pháp quốc tế;

b. Từ "Trung Quốc" có nghĩa là nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ này có nghĩa là toàn bộ lãnh thổ của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, kể cả lãnh hải Trung Quốc mà ở đó các luật của Trung Quốc liên quan đến thuế được áp dụng, và mọi vùng ở ngoài lãnh hải Trung Quốc mà tại đó Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên phù hợp với luật pháp quốc tế;

c. Thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hay Trung Quốc tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

d. Từ "thuế" có nghĩa là thuế Việt Nam hay thuế Trung Quốc tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

e. Thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty hay bất kỳ tổ chức nhiều đối tượng nào khác;

f. Thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

g. Thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết" và "xí nghiệp của nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia.

h. Thuật ngữ "các đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

i. trong trường hợp đối với Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và

ii. trong trường hợp đối với Trung Quốc, là Tổng Cục quản lý thuế Nhà nước hoặc đại diện được ủy quyền của Tổng Cục quản lý thuế Nhà nước.

2/ Trong khi một nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

#### **ĐIỀU 4**

##### **Đối tượng cư trú**

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở đăng ký, trụ sở chính hoặc bất kỳ tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự.

2/ Trường hợp theo những quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. Cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú. Nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b. Nếu như không thể xác định được Nước nơi cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó thường sống;

c. Nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước ký kết hay không sống thường xuyên ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d. Nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước ký kết hay không mang quốc tịch của Nước nào, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1 khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, khi đó, nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ xác định đối tượng đó là đối tượng cư trú của một Nước ký kết theo nghĩa của Hiệp định này bằng thỏa thuận chung.

## **ĐIỀU 5**

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

- a. Trụ sở điều hành;
- b. Chi nhánh;
- c. Văn phòng;
- d. Nhà máy;
- e. Xưởng;
- f. Mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác.

3/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

a. Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hay các hoạt động giám sát liên quan đến các công trình, địa điểm trên, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình hay các hoạt động đó kéo dài trong giai đoạn trên sáu tháng;

b. Việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dc tư vấn do một xí nghiệp của một Nước ký kết thực hiện thông qua các nhân viên hay cá nhân khác được xí nghiệp giao thực hiện tại Nước ký kết kia, với điều kiện các hoạt động nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hay một dự án liên quan) trong một giai đoạn hay nhiều giai đoạn gộp lại hơn 6 tháng trong khoảng thời gian 12 tháng.

4/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

- a. Việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp;
- b. Việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng;
- c. Việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích để cho xí nghiệp khác gia công;
- d. Việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp;
- e. Việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho xí nghiệp.

5/ Mặc dù những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một xí nghiệp của Nước ký kết kia, có và thường xuyên thực hiện tại Nước có thẩm quyền ký kết các hoạt động đứng tên xí nghiệp, xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng này thực hiện cho xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng này chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động đã nêu tại khoản 4 mà nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định, sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định này trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định của khoản đó.

6/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, một tổ chức bảo hiểm của một Nước ký kết, trừ trường hợp đối với tái bảo hiểm, sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu tổ chức đó thu phí bảo hiểm trên lãnh thổ của Nước ký kết kia thông qua một đối tượng không phải là một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7.

7/ Một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có cơ sở thường trú ở Nước ký kết kia nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó được giành toàn bộ hay hầu như toàn bộ cho các hoạt động đại diện cho xí nghiệp đó, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

8/ Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành thường trú của công ty kia.

## **ĐIỀU 6**

### **Thu nhập từ bất động sản**

1/ Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có tài sản. Trong mọi trường hợp thuật ngữ sẽ bao gồm cả tài sản đi liền với bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản

thanh toán thay đổi hay cố định trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy, thuyền và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3/ Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

## **ĐIỀU 7**

### **Lợi tức doanh nghiệp**

1/ Lợi tức của một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú đó.

2/ Thẻ theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là thường trú.

3/ Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho hoạt động của cơ sở thường trú này bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ các khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay bất kỳ khoản thanh toán nào tương tự để sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của tổ chức ngân hàng. Cũng tương tự, trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay các khoản thanh toán tương tự để được sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp vay, trừ trường hợp lãi của tổ chức ngân hàng.

4/ Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi tức của xí nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên. Tuy nhiên, phương pháp phân chia được chấp nhận sẽ phải có kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

5/ Không có khoản lợi tức nào được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hóa hoặc tài sản cho xí nghiệp.

6/ Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7/ Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

## **ĐIỀU 8**

Vận tải biển và vận tải hàng không

1/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

## **ĐIỀU 9**

Những xí nghiệp liên kết

1/ Khi:

- a. một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết kia, hoặc;
- b. các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia.

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2/ Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của một xí nghiệp Nước đó - và đánh thuế tương ứng - các khoản lợi tức mà một xí nghiệp của Nước ký kết kia đã bị đánh thuế tại Nước ký kết kia và các khoản lợi tức được tính vào như vậy là những khoản lợi tức lẽ ra thuộc về xí nghiệp của Nước ký kết thứ nhất nếu như những điều kiện đặt ra giữa hai xí nghiệp trên là những điều kiện lập ra giữa hai xí nghiệp độc lập, khi đó Nước ký kết kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế đánh tại Nước mình đối với những khoản lợi tức trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và, nếu cần thiết, các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau.

## **ĐIỀU 10**

Tiền lãi cổ phần

1/ Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của các Nước ký kết đó,

nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì thuế được tính khi đo sẽ không vượt quá 10% tổng số tiền lãi cổ phần.

Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với khoản lợi tức dùng để chia lãi cổ phần.

3/ Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, hoặc các quyền lợi khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật của Nước ký kết nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi tức hay thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước ký kết kia có thể không đánh giá thuế với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước ký kết kia.

## **ĐIỀU 11**

### **Lãi từ tiền cho vay**

1/ Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước ký kết đó nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng hưởng các khoản tiền lãi này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10% của tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 2, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho Chính phủ của Nước ký kết kia sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất.

Theo nội dung của khoản này từ "Chính phủ":

a. Trong trường hợp đối với Việt Nam, có nghĩa là Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và sẽ gồm cả:

- i. các Ngân hàng Nhà nước của Việt Nam;
- ii. các cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương; và
- iii. các tổ chức tài chính như vậy và toàn bộ vốn của các tổ chức này thuộc sở hữu của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hoặc các cơ

quan chính quyền cơ sở hay địa phương của Nước đó, được các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết thỏa thuận trong từng thời kỳ;

b. trong trường hợp đối với Trung Quốc, có nghĩa là Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và sẽ gồm cả:

- i. các Ngân hàng Nhà nước Trung Quốc;
- ii. các cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương; và
- iii. các tổ chức tài chính như vậy mà toàn bộ vốn của các tổ chức này thuộc sở hữu của Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Trung Quốc, được các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết thỏa thuận trong từng thời kỳ.

4/ Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó. Tiền phạt thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo nội dung của Điều này.

5/ Những quy định tại khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia hoặc thực hiện tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6/ Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả là Chính phủ của Nước ký kết đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương, hoặc đối tượng cư trú của Nước ký kết đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định chịu thì dù đối tượng có là đối tượng của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước ký kết nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

7/ Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay, liên quan đến khoản cho vay có số tiền lãi được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ vẫn bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

## **ĐIỀU 12**

### **Tiền bản quyền**

1/ Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở tại Nước ký kết kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước ký kết đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng



thực hưởng tiền bản quyền thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá 10% tổng số tiền bản quyền.

3/ Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hay các loại băng dùng trong phát thanh và truyền hình, băng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc qui trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền là Chính phủ của Nước ký kết đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc là đối tượng cư trú của Nước ký kết đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ được coi là phát sinh ở Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền, liên quan đến việc sử dụng, quyền hay thông tin có số tiền bản quyền được trả, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt vẫn sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

## **ĐIỀU 13**

Lợi tức từ chuyển nhượng quyền tài sản

1/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và bất động sản đó nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

3/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế hay từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

4/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần trong vốn cổ phần của công ty có tài sản bao gồm, trực tiếp hoặc gián tiếp, chủ yếu là bất động sản nằm tại một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

5/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng các cổ phần khác với cổ phần nêu tại khoản 4 và cổ phần đó chiếm tối thiểu 25% vốn đóng góp trong một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

6/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại các khoản từ 1 đến 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

## **ĐIỀU 14**

### **Hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập**

1/ Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó trừ các trường hợp sau đây thu nhập đó có cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

a. Nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định nhằm mục đích thực hiện các hoạt động này; trong những trường hợp đó chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hay

b. Nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hay trong nhiều khoảng thời gian gộp lại từ 183 ngày trở lên trong năm dương lịch liên quan; trong trường hợp đó chỉ phần thu nhập thu được từ các hoạt động của đối tượng này được thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

## **ĐIỀU 15**

### **Hoạt động dịch vụ cá nhân phụ thuộc**

1/ Thẻ theo các quy định tại Điều 16, 18, 19, 20 và 21 các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết thứ nhất nếu:

a. Người nhận tiền công có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong năm dương lịch liên quan; và

b. Chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước ký kết kia; và

c. Số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà đối tượng chủ lao động có tại Nước ký kết kia.

3/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

## **ĐIỀU 16**

Thù lao cho giám đốc

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.

## **ĐIỀU 17**

Nghệ sĩ và vận động viên

1/ Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.

2/ Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù có những quy định tại các Điều 7, 14 và 15.

3/ Mặc dù đã có các quy định tại khoản 1 và 2, thu nhập do các nghệ sĩ hoặc vận động viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động trình diễn tại Nước ký kết kia theo một chương trình trao đổi văn hóa giữa hai Chính phủ của cả hai Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

## **ĐIỀU 18**

Tiền lương hưu

1/ Thẻ theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2/ Mặc dù đã có các quy định tại khoản 1, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự khác được Chính phủ một Nước ký kết, cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó trả theo chương trình phúc lợi công cộng thuộc hệ thống bảo hiểm xã hội của Nước ký kết đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

## **ĐIỀU 19**

Phục vụ Chính phủ

1/a. Tiền công lao động, trừ tiền lương hưu, do Chính phủ của một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước ký kết đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Chính phủ của Nước ký kết đó hoặc chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó trong quá trình thực hiện các chức năng có tính chất Chính phủ sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

b. Tuy nhiên, khoản tiền công lao động này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước ký kết kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, đồng thời;

- i. là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia; hoặc
- ii. không trở thành đối tượng cư trú của Nước ký kết kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2/a. Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do Chính phủ của một Nước ký kết, một cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Chính phủ của Nước ký kết đó hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương tại Nước ký kết đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết đó.

b. Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.

3/ Các quy định của các Điều 15, 16, 17 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền công lao động và lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi Chính phủ của một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

## **ĐIỀU 20**

Sinh viên, học sinh học nghề và thực tập sinh

Một sinh viên, thực tập sinh hay người học nghề đang hoặc ngay trước khi đến một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và là người hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất chỉ với mục đích là học tập hay đào tạo sẽ được miễn thuế tại Nước thứ nhất đối với các khoản tiền dưới đây hay thu nhập thu được hay nhận được để trang trải chi phí sinh hoạt, giáo dục hay đào tạo của người sinh viên, thực tập sinh hay người học nghề đó:

a. Các khoản tiền thu được từ các nguồn ngoài Nước ký kết đó để trang trải chi phí sinh hoạt, giáo dục, học tập, nghiên cứu hay đào tạo;

b. Tiền trợ cấp, học bổng hoặc giải thưởng do Chính phủ hoặc tổ chức khoa học, giáo dục, văn hóa hay tổ chức được miễn thuế khác chi trả; và

bất kỳ khoản tiền nào không vượt quá 2000 đô la Mỹ hoặc số tương đương bằng đồng Việt Nam hoặc số tương đương bằng nhân dân tệ Trung Quốc cho một năm dương lịch đối với các công việc dịch vụ cá nhân liên quan đến việc học tập hay đào tạo của sinh viên, thực tập sinh hay người học nghề đó.

## **ĐIỀU 21**

Giáo viên, giáo sư và nhà nghiên cứu

Một cá nhân, người đang hoặc ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất chủ yếu vì mục đích giảng dạy, thuyết trình hay tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, cao đẳng, trường phổ thông hay cơ sở giáo dục hay cơ sở nghiên cứu khoa học do Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất chỉ định sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với khoản tiền công trả cho việc giảng dạy, thuyết trình hoặc nghiên cứu đó trong thời hạn 2 năm kể từ ngày đầu tiên đến Nước ký kết thứ nhất.

## **ĐIỀU 22**

Thu nhập khác

1/ Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2/ Tuy nhiên, bất kỳ khoản thu nhập nào như vậy do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các nguồn tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

3/ Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiền hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hay thực hiện tại Nước ký kết kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền lợi hay tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

## **ĐIỀU 23**

Các biện pháp xóa bỏ việc đánh thuế hai lần

1/ Tại Việt Nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

Khi một đối tượng cư trú của Việt Nam có thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản mà theo luật của Trung Quốc và phù hợp với Hiệp định này có thể bị đánh thuế tại Trung Quốc, Việt Nam sẽ cho phép khấu trừ vào số thuế của Việt Nam tính trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ việc chuyển nhượng tài sản đó một khoản tiền tương đương số thuế đã nộp tại Trung Quốc. Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Việt Nam tính trên thu nhập lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản đó được tính phù hợp với các luật và quy định về thuế của Việt Nam.

2/ Tại Trung Quốc, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

a. Khi một đối tượng cư trú của Trung Quốc nhận được thu nhập từ Việt Nam, số thuế tính trên thu nhập đó phải nộp tại Việt Nam phù hợp với các quy định của Hiệp định này, có thể được khấu trừ vào số thuế của Trung Quốc đánh vào đối tượng cư trú đó. Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Trung Quốc tính trên thu nhập đó phù hợp với các luật và quy định về thuế của Trung Quốc.

b. Khi thu nhập phát sinh từ Việt Nam là tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Việt Nam trả cho một công ty là đối tượng cư trú của Trung Quốc và công ty này sở hữu không dưới 10% cổ phần của công ty trả tiền lãi cổ phần, việc khấu trừ thuế sẽ tính đến số thuế do công ty trả tiền lãi cổ phần đã nộp tại Việt Nam đối với thu nhập của công ty đó.

c. 3/ Theo nội dung của khoản 1 và 2, số thuế phải nộp tại Việt Nam hay Trung Quốc, tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi, sẽ được coi là gồm cả số thuế lẽ ra phải nộp tại một Nước ký kết nhưng được Nước ký kết đó giảm hoặc miễn theo các quy định của luật pháp Nước ký kết đó để phát triển kinh tế. Trong trường hợp các quy định của khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 và khoản 2 Điều 12, khoản thuế đó sẽ được coi là 10% tổng số tiền lãi cổ phần, lãi từ tiền cho vay và tiền bản quyền.

## **ĐIỀU 24**

## Không phân biệt đối xử

1/ Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2/ Hình thức thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết cho phép các đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ khoản miễn thu cá nhân, khoản miễn thuế và giảm thuế mà Nước đó dành riêng cho các đối tượng cư trú của Nước mình trong quá trình tính thuế trên cơ sở tư cách dân sự và nghĩa vụ gia đình.

3/ Trừ trường hợp áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 7 Điều 11 hay khoản 6 Điều 12, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác do một xí nghiệp của một Nước ký kết trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, khi xác định các khoản lợi tức chịu thuế của xí nghiệp đó sẽ được trừ vào chi phí theo cùng các điều kiện nếu như các khoản tiền đó được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết thứ nhất.

4/ Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn do một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia kiểm soát hay sở hữu trực tiếp hay gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ hình thức thuế hay yêu cầu liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các xí nghiệp tương tự khác của Nước ký kết thứ nhất.

5/ Mặc dù đã có các quy định từ khoản một đến khoản 4 của Điều này, khi một nước ký kết áp dụng bất kỳ hình thức thuế nào cho các đối tượng mang quốc tịch của mình khác với hình thức thuế mà Nước đó áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của nước ký kết kia với mục đích khuyến khích phát triển kinh tế phù hợp với các luật thuế của nước ký kết đó, việc áp dụng hình thức thuế như vậy sẽ không được hiểu là phân biệt đối xử theo nghĩa của điều này.

6/ Những quy định của điều này cũng chỉ áp dụng đối với các loại thuế là đối tượng chịu sự điều chỉnh của Hiệp định này.

## **ĐIỀU 25**

### Thủ tục thỏa thuận song phương

1/ Trường hợp một đối tượng nhận thấy rằng việc giải quyết của một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú hay của Nước ký kết nơi đối tượng đó mang quốc tịch nếu trường hợp của đối tượng thuộc khoản 1 Điều 24, mặc dù trong các luật trong Nước của hai Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2/ Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa

thuận chung, nhằm mục đích tránh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Bất kỳ thỏa thuận nào đã đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào giới hạn thời gian ghi trong luật trong nước của hai Nước ký kết.

3/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hay áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp thông báo cho nhau với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của khoản 2 và 3. Khi thấy cần thiết phải đạt được thỏa thuận, các đại diện của các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể gặp nhau để đối thoại trao đổi quan điểm.

## **ĐIỀU 26**

### **Trao đổi thông tin**

1/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay các luật trong nước của hai Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này đặc biệt nhằm ngăn chặn việc vi phạm hoặc trốn lậu các loại thuế trên. Việc trao đổi thông tin sẽ không bị giới hạn bởi Điều 1. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước ký kết đó. Tuy nhiên, nếu thông tin đó ban đầu được coi là bí mật tại Nước gửi thông tin thì thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán, thu, cưỡng chế hay truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ áp dụng các thông tin đó vào mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án trong các quy định của tòa án.

2/ Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

- a. Thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;
- b. Cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;
- c. Cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

## **ĐIỀU 27**

Các viên chức ngoại giao và lãnh sự

Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế của các viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các Hiệp định đặc biệt.

## **ĐIỀU 28**

### Hiệu lực

Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho Nước ký kết kia bằng văn bản thông qua đường ngoại giao về việc hoàn thành các thủ tục trong nước cần thiết được áp dụng theo luật tại Nước ký kết đó để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thông báo sau cùng. Hiệp định này sẽ được áp dụng đối với thu nhập phát sinh trong các năm tính thuế bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực.

## **ĐIỀU 29**

### Kết thúc

Hiệp định này sẽ có hiệu lực cho đến khi một Nước ký kết tuyên bố kết thúc. Từng Nước ký kết có thể, vào hoặc trước ngày 30 tháng 6 của bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, gửi văn bản kết thúc tới Nước ký kết kia thông qua đường ngoại giao. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định này sẽ hết hiệu lực thì hành đối với thu nhập phát sinh trong các năm tính thuế bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo năm gửi thông báo kết thúc.

Để làm bằng những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định này làm thành hai bộ tại Bắc Kinh ngày 17 tháng 5 năm 1995, mỗi bộ gồm các thứ tiếng Việt, tiếng Trung và tiếng Anh, cả ba văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định.